

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12 /2025/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 01 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 ngày 6 tháng 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 ngày 6 tháng 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Văn bản số 3700/SGDDĐT-TCCB ngày 28 tháng 6 năm 2025 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 01/TTr-SNV ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Quyết định này bãi bỏ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình;

b) Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 03 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hà Nam;

c) Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Vụ pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Vụ pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, VP2, VP7, VP10.

LQ_VP7_NV.2025

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Quang Ngọc



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình**

(Kèm theo Quyết định số 12 /2025/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình.
- Quy định này áp dụng đối với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình, các đơn vị thuộc Sở và các cá nhân, đơn vị khác có liên quan.

Điều 2. Vị trí

- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, chấp hành sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Trụ sở chính đặt tại: Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Chương II CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 3. Chức năng

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo (bao gồm: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên) trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý nhà nước về giáo dục và thực hiện

các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Về xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách phát triển giáo dục

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, thực hiện chính sách phát triển giáo dục trên địa bàn tỉnh phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục quốc gia và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định, chỉ thị, kế hoạch và các văn bản khác về lĩnh vực giáo dục.

2. Về cơ sở vật chất cho giáo dục

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện huy động các nguồn lực để phát triển giáo dục, bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trực thuộc; tài sản, cơ sở vật chất được giao theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trước Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục trên địa bàn theo thẩm quyền quy định.

3. Về tài chính cho giáo dục thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng dự toán ngân sách giáo dục, quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; duyệt quyết toán, thông báo quyết toán năm và tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách của các cơ sở giáo dục trực thuộc; phối hợp với Sở Tài chính xác định, cân đối ngân sách nhà nước chi cho giáo dục hằng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương trình cấp có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm chi trả (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả), quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí theo quy định của pháp luật.

4. Về đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định vị trí việc làm, biên chế công chức của Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định của pháp luật; tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định vị trí việc làm, tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh theo quy định của pháp luật; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đề án, kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục; chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh các chính sách đặc thù đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập;

b) Thực hiện tuyển dụng, quản lý, sử dụng, bổ nhiệm, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thay đổi chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định; chủ trì triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định;

c) Bảo đảm đủ biên chế công chức quản lý giáo dục, đủ số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, số lượng hợp đồng lao động theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt, đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý đội ngũ viên chức, người lao động và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường; công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng trực thuộc tỉnh theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định;

đ) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch hằng năm về số lượng người làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục trực thuộc, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; phân bổ số lượng người làm việc theo vị trí việc làm cho các cơ sở giáo dục trực thuộc theo quy định;

hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách đối với viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý theo quy định.

5. Về nội dung, chương trình giáo dục

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, xây dựng trường chuẩn quốc gia và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ và đánh giá chất lượng giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;

b) Quản lý về chuyên môn đối với việc thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên của các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên theo quy định. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trước Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và toàn xã hội;

c) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với người có chức danh theo dõi giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Về tổ chức hoạt động và quản lý cơ sở giáo dục

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định của Chính phủ;

b) Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thành lập, cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, tổ chức lại, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Quyết định thành lập hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường và quyết định công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác đến tuổi nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, biệt phái, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh; công nhận, không công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường, phó chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng, phó

hiệu trưởng các cơ sở giáo dục tư thục thuộc thẩm quyền quản lý theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định;

d) Tổ chức quản lý cơ sở giáo dục thường xuyên (trừ trung tâm học tập cộng đồng); cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở giáo dục có cấp trung học phổ thông; cơ sở giáo dục chuyên biệt và các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh về giáo dục theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật;

e) Chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyển sinh, thi, cấp, thu hồi giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ;

g) Quản lý các hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường và ngoài nhà trường; chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, an toàn trường học; tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; thực hiện và chỉ đạo thực hiện công tác truyền thông giáo dục trên địa bàn;

h) Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục hòa nhập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh; đảm bảo các điều kiện tối thiểu đáp ứng yêu cầu giáo dục hòa nhập tại địa phương; vận động và tổ chức, tạo điều kiện để người khuyết tật học hòa nhập tại cơ sở giáo dục;

i) Hướng dẫn quản lý nhà nước về giáo dục cho Ủy ban nhân dân cấp xã;

k) Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo;

l) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng nội dung phối hợp quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục có liên quan của trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông trên địa bàn;

m) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý; cập nhật, công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục trên Cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng bảo đảm tính bảo mật, toàn vẹn và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu giáo dục trong phạm vi được phân quyền;

n) Tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ quan chuyên môn quản lý giáo dục ở địa phương và chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc

phạm vi quản lý tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo quy định và bộ chỉ số do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

7. Về kiểm tra trong giáo dục

a) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục;

b) Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của cấp xã;

c) Thực hiện kiểm tra, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và xử lý vi phạm về giáo dục đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của các Trung tâm giáo dục và đào tạo trên địa bàn;

đ) Hướng dẫn kiểm tra việc cấp, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác cho giáo dục trên địa bàn tỉnh;

e) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ, chính sách đối với đội ngũ viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

g) Hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

8. Khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong hoạt động giáo dục tại địa phương.

9. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc cập nhật thông tin, dữ liệu về giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời và khả năng kết nối, liên thông dữ liệu với các hệ thống quản lý trường học và các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan; thực hiện công tác thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất, công khai trong lĩnh vực giáo dục của địa phương thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

11. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III **CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ**

Điều 5. Cơ cấu tổ chức bộ máy

1. Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và các Phó Giám đốc (*số lượng Phó Giám đốc Sở thực hiện theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền*).

a) Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phó Giám đốc Sở là cấp phó của người đứng đầu Sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở, giúp Giám đốc sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy quyền thay Giám đốc Sở điều hành các hoạt động của Sở. Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Giám đốc Sở và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ;

d) Căn cứ quy định về phân cấp quản lý tổ chức cán bộ và tiêu chuẩn chức danh cán bộ, Giám đốc Sở quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các đơn vị thuộc Sở.

2. Phòng chuyên môn và tương đương

a) Văn phòng;

b) Phòng Tổ chức cán bộ;

c) Phòng Quản lý chất lượng;

- d) Phòng Tài chính;
- đ) Phòng Giáo dục Tiểu học;
- e) Phòng Giáo dục Trung học;
- g) Phòng Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên;
- h) Phòng Giáo dục Mầm non;
- i) Phòng Công tác học sinh, sinh viên.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở có 119 đơn vị gồm:

- a) 92 trường trung học phổ thông (*Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*);
- b) 25 trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm hướng nghiệp, tin học, ngoại ngữ (*Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*);
- c) Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật và Du lịch Ninh Bình;
- d) Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định.

Điều 6. Biên chế

1. Biên chế công chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ và số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng số biên chế công chức, số lượng người làm việc và chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình phối hợp với Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này và các quy định khác có liên quan.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh, vướng mắc, các tổ chức và cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo
Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Các trường Trung học phổ thông (THPT): 92 đơn vị
1	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong
2	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy
3	Trường THPT chuyên Biên Hòa
4	Trường THPT A Trần Hưng Đạo
5	Trường THPT B Nguyễn Khuyến
6	Trường THPT Ngô Quyền
7	Trường THPT B Nguyễn Huệ
8	Trường THPT Mỹ Lộc
9	Trường THPT Trần Văn Lan
10	Trường THPT Hoàng Văn Thụ
11	Trường THPT Lương Thế Vinh
12	Trường THPT Nguyễn Bính
13	Trường THPT Nguyễn Đức Thuận
14	Trường THPT Tống Văn Trân
15	Trường THPT Mỹ Tho
16	Trường THPT Phạm Văn Nghị
17	Trường THPT Đại An
18	Trường THPT Đỗ Huy Liêu
19	Trường THPT Lý Nhân Tông
20	Trường THPT A Nghĩa Hưng
21	Trường THPT B Nghĩa Hưng
22	Trường THPT C Nghĩa Hưng
23	Trường THPT Nghĩa Minh
24	Trường THPT Trần Nhân Tông
25	Trường THPT Lý Tự Trọng
26	Trường THPT Nam Trực
27	Trường THPT Nguyễn Du
28	Trường THPT Trần Văn Bảo
29	Trường THPT Trục Ninh
30	Trường THPT Trục Ninh B
31	Trường THPT Nguyễn Trãi
32	Trường THPT Lê Quý Đôn
33	Trường THPT A Hải Hậu
34	Trường THPT B Hải Hậu
35	Trường THPT C Hải Hậu
36	Trường THPT Thịnh Long

STT	Các trường Trung học phổ thông (THPT): 92 đơn vị
37	Trường THPT Trần Quốc Tuấn
38	Trường THPT An Phúc
39	Trường THPT Vũ Văn Hiếu
40	Trường THPT Xuân Trường
41	Trường THPT Xuân Trường B
42	Trường THPT Xuân Trường C
43	Trường THPT Nguyễn Trường Thúc
44	Trường THPT Giao Thủy
45	Trường THPT Giao Thủy B
46	Trường THPT Giao Thủy C
47	Trường THPT Quất Lâm
48	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng
49	Trường THPT B Trần Hưng Đạo
50	Trường THPT Ninh Bình - Bạc Liêu
51	Trường THPT Hoa Lư A
52	Trường THPT Gia Viễn A
53	Trường THPT Gia Viễn B
54	Trường THPT Gia Viễn C
55	Trường THPT Nho Quan A
56	Trường THPT Nho Quan B
57	Trường THPT Nho Quan C
58	Trường THPT Dân tộc Nội trú
59	Trường THPT A Nguyễn Huệ
60	Trường THPT Ngô Thị Nhậm
61	Trường THPT Yên Mô A
62	Trường THPT Yên Mô B
63	Trường THPT Tạ Uyên
64	Trường THPT Kim Sơn A
65	Trường THPT Kim Sơn B
66	Trường THPT Kim Sơn C
67	Trường THPT Bình Minh
68	Trường THPT Yên Khánh A
69	Trường THPT Yên Khánh B
70	Trường THPT Vũ Duy Thanh
71	Trường THPT A Duy Tiên
72	Trường THPT B Duy Tiên
73	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiến
74	Trường THPT A Kim Bảng
75	Trường THPT B Kim Bảng
76	Trường THPT C Kim Bảng
77	Trường THPT Lý Thường Kiệt
78	Trường THPT A Thanh Liêm
79	Trường THPT B Thanh Liêm

STT	Các trường Trung học phổ thông (THPT): 92 đơn vị
80	Trường THPT C Thanh Liêm
81	Trường THPT Lê Hoàn
82	Trường THPT A Bình Lục
83	Trường THPT B Bình Lục
84	Trường THPT C Bình Lục
85	Trường THPT A Nguyễn Khuyến
86	Trường THPT Lý Nhân
87	Trường THPT Bắc Lý
88	Trường THPT Nam Lý
89	Trường THPT Nam Cao
90	Trường THPT A Phủ Lý
91	Trường THPT B Phủ Lý
92	Trường THPT C Phủ Lý

Phụ lục II

DANH SÁCH CÁC TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CÔNG LẬP THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo
Quyết định số 42 /2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Các trung tâm: 25 đơn vị
1	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Nam Định
2	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Trần Phú
3	Trung tâm Hướng nghiệp và Giáo dục thường xuyên Nam Định
4	Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình
5	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp Phủ Lý
6	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Nho Quan
7	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Gia Viễn
8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kim Sơn
9	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Yên Khánh
10	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Yên Mô
11	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Tam Điệp
12	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Nam Định
13	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Ý Yên
14	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Nam Trực
15	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Vụ Bản
16	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Trực Ninh
17	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Giao Thủy
18	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Hải Hậu
19	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Xuân Trường
20	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Nghĩa Hưng
21	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Bình Lục
22	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Duy Tiên
23	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Lý Nhân
24	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kim Bảng
25	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Thanh Liêm